| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 106/2018/HS-PT
Ngày 08-5-2018

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Trọng Hân

*Các Thẩm phán:* Ông Cao Quốc Chiến

Ông Phan Văn Thuấn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 62/2018/TLPT-HS ngày 07 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Danh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2018/HS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

**Danh T**, sinh năm 1994, tại huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang;

Nơi cư trú: Ấp M A, xã M1, huyện U, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh T1 và bà Nguyễn Thị D; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 11/10/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà **Cao Thị Tố Q** – Trợ giúp viên, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kiên Giang (có mặt)

**Trong vụ án còn có 01 bị cáo, 01 người đại diện hợp pháp cho bị cáo, 01 bị hại, 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 07-10-2017, Danh K đi đến quán L (thuộc ấp C, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang) để uống cà phê. Danh K gặp Phạm Văn D (là nhân viên phục vụ quán), K có hỏi xin số điện thoại của N là nhân viên quán, D có cho K số điện thoại, nhưng khi về K liên hệ thì không phải số của N mà số của người khác. Sau đó, K có xin D số điện thoại khác, do D không biết số điện thoại nào khác nên không cho.

Vào khoảng 18 giờ, ngày 10 -10-2017, Danh K chạy mô tô biển kiểm soát số 68HU – 4666 chở Danh T đến quán N ở chợ C để uống rượu, trong lúc uống rượu thì K nói với T sau khi nghỉ uống rượu thì lại quán cà phê Lucky tìm D đánh cho bỏ ghét và được T đồng ý. Cả hai uống hết 1,5 lít rượu thì nghỉ. Sau đó, K chở T đi đến tiệm tạp hóa của chị Nguyễn Thị Kiều T ở dưới cầu vượt, T đi vào tiệm mua 02 cây dao cán vàng (loại dao thái lan), T đưa cho K 01 cây, T giữ 01 cây. Sau đó, K điều khiển xe chở T chạy lại quán Lucky, cả hai vào ngồi phía bên trái từ lộ nhìn vào. Lúc này, D đi ra hỏi K và T uống nước gì, sau đó D đi làm vào nước thì K kêu T đi ra dẫn xe về hướng cầu vượt đợi sẵn khi nào K đánh D xong thì chạy ra xe để T chở K bỏ chạy. Lúc này, T dẫn xe mô tô cách quán cà phê L gần 50m nổ mấy đợi sẵn. Khoảng 3 phút sau, D mang nước ra thì K đứng dậy lấy cây dao cán vàng từ trong túi quần, K không nói gì mà cầm dao đâm D 02 nhát, 01 nhát trúng vào mạng sườn phải, 01 nhát trúng vào cổ phải. Sau khi đâm D xong thì K bỏ chạy ra xe mô tô chở T chở về nhà. Khi về đến nhà thì T vào nhà ngủ, còn K tiếp tục chạy xe mô tô quay lại quán cà phê L để tìm D đánh tiếp thì bị Công an bắt giữ. Đến ngày 11-10-2017, Danh T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra mời lên làm việc và bắt giữ. Còn Phạm Văn D được mọi người và gia đình đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang, đến ngày 18-10-2017 thì ra viện.

**Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số:* 684/KL – PY ngày 24-11-2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận đối với Phạm Văn D như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo mềm vùng cổ sau bên phải; Sẹo xơ cứng vùng hạ sường phải và sẹo mổ vùng ngực phải, vùng bụng; Tổn thương phổi phải, hiện còn sẹo xơ hóa nhu mô phổi phải; Thủng cơ hoành bên phải đã được phẫu thuật khâu cơ hoành; Thủng gan phải đã được phẫu thuật

khâu gân, hiện còn sẹo xơ hóa vùng gan phải.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại: 60%.

3. Vật gây thương tích: Vật sắc nhọn.

4. Về thẩm mỹ và chức năng bộ phận cơ thể: Thương tích không gây ảnh hưởng thẩm mỹ. Hiện chưa có những biểu hiện gây hạn chế chức năng bộ phận cơ thể.

**Vật chứng vụ án:*

- 02 cây dao, loại dao cán vàng có đặc điểm như sau: Dao có tổng chiều dài 21,5cm, cán dao bằng nhựa, màu vàng, dài 10cm, rộng 2cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 11,5cm, rộng 02cm, một bề sống, một bề lưỡi, mũi nhọn.

*Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2018/HS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Danh T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng: Khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bị cáo Danh T 05 năm tù. Thời hạn điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam 11/10/2017.

Ngoài ra, bản án còn tuyên bị cáo Danh K 05 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" và tuyên về trách Nệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 14/02/2018, bị cáo Danh T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng áp dụng Khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS xử phạt bị cáo 05 năm tù là mức án đầu khung hình phạt là phù hợp. Tại phiên tòa, bị cáo không có tình tiết nào mới để xem xét. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của trợ giúp viên Cao Thị Tố Q bào chữa cho bị cáo cho rằng: Bị cáo đã ăn năn hối cải, tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả

cho bị hại, nhân thân tốt. Mong HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng và phụ giúp gia đình

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã nêu và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định của bản án sơ thẩm:

Ngày 07/10/2017, Danh K đến quán L uống cà phê thì gặp D (nhân viên quán), K hỏi xin số điện thoại của N (nhân viên quán), D có cho K số điện thoại nhưng khi K liên hệ thì không phải số của N mà của người khác. Sau đó K có xin D số điện thoại khác, do D không biết số nào khác của N nên không cho, từ đó K nảy sinh thù ghét với D. Đến 18 giờ ngày 10/10/2017 K chở T đến quán Ngô Lồng uống rượu, K có kể lại chuyện D không cho số điện thoại của N cho T nghe, rồi K nói với T sau khi nghỉ uống rượu thì đi lại quán cà phê Lucky tìm D đánh cho bỏ ghét thì T đồng ý. Cả hai uống hết 1,5 lít rượu thì nghỉ nhậu. Sau đó K chợ T đến tiệm tạp hóa mua 02 cây dao cán vàng, T đưa cho K 01 cây, T giữ 01 cây rồi K chở T đến quán Lucky. Lúc này, D đi ra hỏi K và T uống nước gì, sau đó D đi vào làm nước thì K kêu T đi ra xe dẫn xe về hướng cầu vượt đợi sẵn khi nào K đánh D xong thì chạy ra xe để T chở K bỏ chạy. Lúc này, T dẫn xe mô tô cách quán cà phê Lucky khoảng 50m nổ máy đợi sẵn. Trong lúc D mang nước ra cho K và T thì K dùng dao Thái Lan cán vàng đâm D 02 nhát, 01 nhát trúng vào phần mạn sườn phải, 01 nhát trúng vào cổ phải, làm D ngã quỵ xuống đất. Hậu quả D bị thương tích tỷ lệ 60%, thương tích là do vật sắc nhọn gây ra. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này, bị cáo giữ vai trò đồng phạm giúc sức tích cực. Khi nghe K rủ đi đánh D thì liền đồng ý ngay, bị cáo còn đến tiệm mua dao cán vàng đưa cho K 01 cây, bị cáo giữ 01 cây. Đến quán thì bị cáo nổ máy xe đợi sẵn, khi K đâm D xong thì chở T về nhà. Cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục hậu quả cho người bị hại số

tiền 3.000.000 đồng được quy định tại điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và xử phạt bị cáo mức án 05 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và vai trò của bị cáo trong vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét nên kháng cáo của bị cáo không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về quan điểm của Kiểm sát viên:

Do bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới và mức án mà Tòa cấp sơ thẩm xử phạt là phù hợp nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là của căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về Điều luật áp dụng: Thực hiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc hội khóa XIV về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 theo nguyên tắc áp dụng những quy định có lợi cho người phạm tội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng Khoản 3 Điều 134 để xét xử bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích", các tình tiết giảm nhẹ được quy định tương ứng tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, tù có thời hạn được quy định tương ứng tại Điều 38 – Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt cho bị cáo

[5] Về án phí:

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Danh T và giữ nguyên bản án sơ thẩm

2. Áp dụng: Khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo **Danh T 05 (năm) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam 11/10/2017.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Lê Trọng Hân**

***Nơi nhận:***
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh KG;
- Sở tư pháp tỉnh KG;
- Trại tạm giam CA tỉnh KG;
- TAND huyện U Minh Thượng;
- THA huyện U Minh Thượng;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- CQCSĐT huyện U Minh Thượng;
- Bị cáo kháng cáo;
- Lưu.